

Số: 82/2022/CV-MHT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: *Giải trình lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021 chênh lệch so với năm trước*

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials xin gửi tới Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”), Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (sau đây gọi là “Công ty” hay “MHT”) xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 thay đổi trên 10% so với báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm trước, như sau:

1. Trên báo cáo hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”):
Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Tập đoàn là 261 tỷ VND, tăng 209 tỷ VND so với lợi nhuận sau thuế 52 tỷ VND năm 2020 với các lý do chính sau:
 - Lợi nhuận gộp năm 2021 tăng 2.092 tỷ VND so với năm 2020 do:
 - Nhu cầu về vonfram tăng mạnh và giá vonfram trên thị trường tăng mạnh trong năm 2021 và duy trì ở mức cao ổn định từ tháng 10/2021 đến cuối năm 2021, cao hơn 39% so với giá tại thời điểm cuối năm 2020;
 - Giá florit tăng nhẹ do ảnh hưởng của việc gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu;
 - Giá bitmuth vẫn tiếp tục tăng trong năm 2021 và cao hơn 38% so với giá cuối năm 2020.
 - Tuy nhiên, đóng góp của mức tăng từ lợi nhuận gộp đã bị giảm trừ một phần bởi:
 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng với sự tăng trưởng vượt bậc của doanh thu và lợi nhuận gộp với mức tăng 575 tỷ VND so với năm trước.
 - Tổng thu nhập khác thuần giảm 1.213 tỷ VND do trong năm 2020, Tập đoàn ghi nhận 1.298 tỷ VND vào thu nhập khác liên quan đến việc ghi nhận lợi thế thương mại âm phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh với H.C.Stark;



2. Trên báo cáo riêng đã được kiểm toán của Công ty:

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ năm 2021 ghi nhận lợi nhuận sau thuế là 0,5 tỷ VND, giảm so với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 với lợi nhuận sau thuế là 7,9 tỷ VND chủ yếu do thu nhập thuần từ hoạt động tài chính giảm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials xin giải trình để Quý Cơ quan rõ.

Xin trân trọng cảm ơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN
HIGH-TECH MATERIALS
HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC**



The stamp is circular and red. It contains the text: "M.S.D.N. 030996688" at the top, "C. T. P." on the right, "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" on the left, and "CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS" in the center. A blue ink signature is written across the stamp.

CRAIG RICHARD BRADSHAW

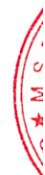


The stamp is circular and red. It contains the text: "030996688" at the top, "C. T. P." on the right, and "CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS" in the center. The bottom part of the stamp is partially cut off, showing "P HỒ CHÍ MINH".



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 2 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ông Akira Osada	Thành viên (từ ngày 12/4/2021)
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên độc lập (từ ngày 12/4/2021)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên (đến ngày 12/4/2021)

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Ông Hady Seyeda	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12/4/2021)
Ông Stuart James Wells	Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 22 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
HIGH-TECH
MATERIALS

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11/21/2022 10:11



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00185-22-2



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		84.602.412	1.102.056.861
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.600.363	51.739.750
Tiền	111		600.363	739.750
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000	51.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.800.192	1.050.317.111
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		92.800	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5	78.707.392	1.050.317.111
Tài sản ngắn hạn khác	150		201.857	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		201.857	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		15.181.439.646	14.156.476.389
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5	3.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		24.963.257	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	24.963.257	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.156.476.389	12.156.476.389
Đầu tư vào công ty con	251	7	12.156.476.389	12.156.476.389
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.266.042.058	15.258.533.250

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.108.407.105	3.101.408.455
Nợ ngắn hạn	310		108.407.105	1.101.408.455
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.217.708	32
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		197.528	406.630
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	48.356.333	88.151.323
Phải trả ngắn hạn khác	319	9	35.435.536	12.850.470
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	10(a)	21.200.000	1.000.000.000
Nợ dài hạn	330		3.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	10(b)	3.000.000.000	2.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.157.634.953	12.157.124.795
Vốn chủ sở hữu	410	11	12.157.634.953	12.157.124.795
Vốn cổ phần	411	12	10.991.554.200	10.991.554.200
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.991.554.200	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	412	12	1.098.259.892	1.098.259.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.820.861	67.310.703
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		67.310.703	59.385.554
- LNST năm nay	421b		510.158	7.925.149
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.266.042.058	15.258.533.250

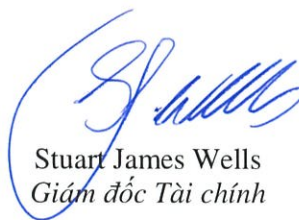
Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

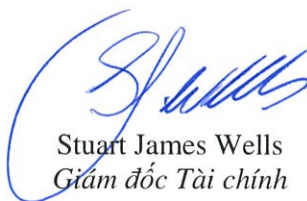
	Mã số	Thuyết minh	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	280.995.953	306.449.356
Chi phí tài chính	22	14	272.008.141	299.550.094
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.148.738	5.428.920
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		839.074	1.470.342
Thu nhập khác	31		-	501.547
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31)			-	501.547
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		839.074	1.971.889
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	328.916	(5.953.260)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		510.158	7.925.149

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		839.074	1.971.889
Điều chỉnh cho các khoản				
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(280.995.953)	(306.449.356)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06		272.008.141	298.399.658
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(8.148.738)	(6.077.809)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(23.690.110)	(292.885)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		507.671	(413.263)
			(31.331.177)	(6.783.957)
Tiền lãi vay đã trả	14		(269.138.899)	(301.932.976)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(245.627)	(300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(300.715.703)	(309.016.933)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Góp vốn vào công ty con	25		-	(2.701.705.929)
Tiền thu lãi tiền gửi, đầu tư và cổ tức	27		276.001.125	963.858.457
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		276.001.125	(1.737.847.472)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và chi phí phát hành liên quan	31		(42.624.809)	2.094.330.737
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		1.039.200.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.018.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.424.809)	2.094.330.737
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(46.139.387)	47.466.332
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		51.739.750	4.273.418
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	5.600.363	51.739.750

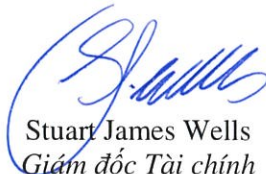
Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty” hoặc “MHT”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2021: 2 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (Nghìn VND), trừ khi được trình bày khác.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(i) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, lợi nhuận được chia từ HĐHTKD và lãi chênh lệch tỷ giá.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Công ty, các cổ đông và công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền gửi ngân hàng	600.363	739.750
Các khoản tương đương tiền	5.000.000	51.000.000
	5.600.363	51.739.750

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD (a)	54.956.939	49.962.111
Phải thu theo HĐHTKD với NPM (b)	-	1.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác từ các công ty con	23.695.453	-
Phải thu ngắn hạn khác	55.000	355.000
	78.707.392	1.050.317.111
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu theo HĐHTKD với NPM (b)	2.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu theo HĐHTKD với MTC (c)	1.000.000.000	1.000.000.000
	3.000.000.000	2.000.000.000

- (a) Khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) và Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (Thuyết minh 5(b) và Thuyết minh 5(c)).

T.N. AN HP

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (b) Các khoản phải thu theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho NPM theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời hạn hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản tiền hợp tác cuối cùng (500 tỷ VND) vào ngày 28 tháng 5 năm 2019. Việc hoàn trả toàn bộ hoặc một phần số tiền hợp tác theo HĐHTKD sẽ được hai bên thỏa thuận trước khi kết thúc thời hạn hợp tác. Theo đó, hai bên đã thỏa thuận thời hạn thanh toán khoản tiền hợp tác đầu tiên trị giá 1.000 tỷ VND là tháng 9 năm 2021 và sau đó được dời lại là khi kết thúc thời hạn hợp tác.
- (c) Các khoản phải thu dài hạn khác theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho MTC theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời hạn hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD vào tháng 11 năm 2018.

Việc phân chia lợi nhuận theo các HĐHTKD nêu tại các mục (b) và (c) trên được căn cứ theo tỷ lệ được quy định trong các HĐHTKD và các phụ lục của HĐHTKD.

Khoản phải thu khác từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả theo các điều khoản của hợp đồng liên quan.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/12/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	24.963.257	-
Số dư cuối năm	24.963.257	-

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí liên quan đến việc mua phần mềm để cải thiện hoạt động của Công ty.

7. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	12.156.476.389	(*)	12.156.476.389	(*)

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

MRTN là một công ty cổ phần đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 100%).

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với trị ghi sổ.

8. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Chi phí lãi vay phải trả	47.442.649	45.058.494
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	42.624.809
Chi phí phải trả khác	913.684	468.020
	48.356.333	88.151.323

9. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ trực tiếp		
Phi thương mại – ngắn hạn (*)	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con		
Phi thương mại – ngắn hạn (*)	32.306.412	10.294.685
Các khoản khác	617.339	44.000
	35.435.536	12.850.470

- (*) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

M.S.D.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Vay và trái phiếu

(a) Vay và trái phiếu ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Giảm Nghìn VND	31/12/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	-	39.200.000	(18.000.000)	21.200.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 10(b))	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
	<u>1.000.000.000</u>	<u>39.200.000</u>	<u>(1.018.000.000)</u>	<u>21.200.000</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ công ty con, không được đảm bảo và có lãi suất từ 2,6% đến 3,2%/năm.

(b) Trái phiếu dài hạn

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(1.000.000.000)
	<u>3.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn			
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo		-	1.000.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (a)	2024	1.000.000.000	-
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (b)	2023	1.500.000.000	1.500.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (c)	2024	500.000.000	500.000.000
		<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (a) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 9,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,625%. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương – công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng để thay thế cho khoản trái phiếu đã đáo hạn trong năm 2021 – khoản trái phiếu mà đã được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 5(b)). Số trái phiếu này được đảm bảo bằng một phần tài sản dài hạn của một công ty con.
- (b) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 14,09% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi công ty mẹ trực tiếp và một phần tài sản dài hạn của một công ty con. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM và MTC (Thuyết minh 5(b) and (c)).
- (c) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,06% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi công ty mẹ trực tiếp và một phần tài sản dài hạn của một công ty con. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 5(b)).

11. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	9.892.398.780	145.709.384	59.385.554	10.097.493.718
Phát hành cổ phiếu	1.099.155.420	995.175.317	-	2.094.330.737
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(42.624.809)	-	(42.624.809)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	7.925.149	7.925.149
Số dư tại ngày 1/1/2021	10.991.554.200	1.098.259.892	67.310.703	12.157.124.795
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	510.158	510.158
Số dư tại ngày 31/12/2021	10.991.554.200	1.098.259.892	67.820.861	12.157.634.953

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.099.155.420	10.991.554.200	1.099.155.420	10.991.554.200
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200	1.099.155.420	10.991.554.200
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200	1.099.155.420	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.098.259.892	-	1.098.259.892

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Trong số cổ phiếu đang lưu hành có 109.915.542 cổ phiếu phổ thông phát hành cho Mitsubishi Material Corporation (Nhà đầu tư) vào ngày 26 tháng 10 năm 2020 với khoản thanh toán là 2.094.330.737.268 VND. Khi phát hành các cổ phiếu này, Công ty cũng cấp cho Nhà đầu tư một quyền chọn bán. Theo đó, trong trường hợp (i) Công ty và Nhà đầu tư (hoặc các bên liên kết của Nhà đầu tư) không thể thiết lập được liên doanh cho mảng kinh doanh vonfram chế biến cận sâu sau ngày hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trên hoặc (ii) khi có sự thay đổi quyền kiểm soát đối với Công ty, Nhà đầu tư sẽ có quyền không hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc bên được chỉ định mua tất cả các cổ phiếu đã phát hành nói trên với giá mua bằng với khoản thanh toán 2.094.330.737.268 VND trừ đi tổng số tiền mà Nhà đầu tư thu được từ việc bán cổ phần của Công ty và tổng số cổ tức và số lợi nhuận mà Công ty đã thanh toán, có thể được điều chỉnh cho những sự kiện suy giảm quyền sở hữu trong tương lai. Hạn cuối để thực hiện những công việc cần thiết nhằm hoàn tất giao dịch quyền chọn bán là trong vòng 18 tháng kể từ ngày Công ty nhận được thông báo thực hiện quyền chọn bán từ Nhà đầu tư. Việc thực hiện quyền chọn bán phải có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, các cổ đông và các cơ quan quản lý của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Lãi tiền gửi	1.011.870	137.167
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	279.984.083	306.312.189
	<hr/> 280.995.953	<hr/> 306.449.356

14. Chi phí tài chính

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	271.523.054	298.399.658
Chi phí đi vay và chi phí khác	485.087	1.150.436
	<hr/> 272.008.141	<hr/> 299.550.094

15. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	839.074	1.971.889
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	167.815	394.378
Chi phí không được khấu trừ thuế	20.904	11.052
Dự phòng thiếu/(thừa) trong năm trước	140.197	(6.358.690)
	<hr/> 328.916	<hr/> (5.953.260)

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty tương đương với 281.499 triệu VND (1/1/2021: 67.856 triệu VND).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Lãi trái phiếu	24.828.109	11.635.249
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (i)	1.000.000.000	-
	Mua lại trái phiếu	109.198.100	-
	Mua chứng khoán kinh doanh	18.118.800	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	18.208.080	-
Các công ty con			
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên	Góp vốn	-	2.701.705.929
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	188.143.785	204.566.817
	Trả hộ NPM	22.799.957	-
	Trả hộ MHT	22.011.726	-
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	91.840.299	101.745.371
	Nhận tiền vay	39.200.000	-
	Trả tiền vay	18.000.000	-
	Trả lãi vay	41.030	-
	Chi phí lãi vay	199.014	-
	Trả hộ MTC	895.496	-
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (ii)	-	-

- (i) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo các thỏa thuận thu xếp giao dịch.
- (ii) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Lương và thưởng cho Tổng Giám đốc của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 được chi trả bởi một công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong thù lao cho Cán bộ quản lý chủ chốt, thù lao thực tế của Hội đồng Quản trị, lương và thưởng cho từng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Hội đồng quản trị			
Ông Danny Le	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất	-	-
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
Ông Akira Osada	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên độc lập	-	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
Tổng Giám đốc			
Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc	-	-

17. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



Masan High-Tech Materials Corporation

Separate Financial Statements
for the year ended 31 December 2021

Masan High-Tech Materials Corporation Corporate Information

Enterprise Registration

Certificate No. 0309966889 27 April 2010

The Company's Enterprise Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which was dated 11 February 2022. The Certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. The first Business Registration Certificate No. 0309966889 was issued on 27 April 2010.

Investment Certificate No. 41122000131 2 August 2013

The Investment Certificate was issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City to the Company to implement the investment of "Ma San Resources Corporation" which has a term of 10 years from the date of the Investment Certificate.

Board of Directors

Mr. Danny Le	Chairman
Mr. Nguyen Thieu Nam	First Vice Chairman
Mr. Craig Richard Bradshaw	Member
Mr. Akira Osada	Member (<i>from 12/4/2021</i>)
Ms. Nguyen Thu Hien	Independent member (<i>from 12/4/2021</i>)
Mr. Nguyen Van Thang	Member (<i>until 12/4/2021</i>)

Board of Management

Mr. Craig Richard Bradshaw	General Director
Mr. Hady Seyeda	Deputy General Director (<i>from 12/4/2021</i>)
Mr. Stuart James Wells	Chief Financial Officer

Registered Office

Suite 802, 8th Floor, Central Plaza Building
No. 17 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam

Auditor

KPMG Limited
Vietnam

Masan High-Tech Materials Corporation Statement of the Board of Management

The Board of Management of Masan High-Tech Materials Corporation (“the Company”) presents this statement and the accompanying separate financial statements of the Company for the year ended 31 December 2021.

The Board of Management is responsible for the preparation and presentation of the separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. In the opinion of the Board of Management:

- (a) the separate financial statements set out on pages 5 to 22 give a true and fair view of the unconsolidated financial position of the Company as at 31 December 2021, and of its unconsolidated results of operations and unconsolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Management has, on the date of this statement, authorised these accompanying separate financial statements for issue.

On behalf of the Board of Management



Craig Richard Bradshaw
General Director

Ho Chi Minh City, 11 March 2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To the Shareholders Masan High-Tech Materials Corporation

We have audited the accompanying separate financial statements of Masan High-Tech Materials Corporation ("the Company"), which comprise the separate balance sheet as at 31 December 2021, the related separate statements of income and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Management on 11 March 2022, as set out on pages 5 to 22.

Management's Responsibility

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of separate financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these separate financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the separate financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Auditor's Opinion

In our opinion, the separate financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the unconsolidated financial position of Masan High-Tech Materials Corporation as at 31 December 2021 and of its unconsolidated results of operations and its unconsolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

KPMG Limited

Vietnam

Audit Report No. 21-02-00185-22-2



Tran Anh Quan
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 0306-2018-007-1
Deputy General Director

Hanoi, 11 March 2022

Phan My Linh
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 3064-2019-007-1



Masan High-Tech Materials Corporation
Separate balance sheet as at 31 December 2021

Form B 01 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	31/12/2021 VND'000	1/1/2021 VND'000
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 130 + 150)	100		84,602,412	1,102,056,861
Cash and cash equivalents	110	4	5,600,363	51,739,750
Cash	111		600,363	739,750
Cash equivalents	112		5,000,000	51,000,000
Accounts receivable – short-term	130		78,800,192	1,050,317,111
Prepayment to suppliers	132		92,800	-
Other receivables	136	5	78,707,392	1,050,317,111
Other current assets	150		201,857	-
Deductible value added tax	152		201,857	-
Long term assets (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		15,181,439,646	14,156,476,389
Accounts receivable – long-term	210		3,000,000,000	2,000,000,000
Other long-term receivables	216	5	3,000,000,000	2,000,000,000
Fixed assets	220		-	-
Intangible fixed assets	227		-	-
<i>Cost</i>	228		137,950	137,950
<i>Accumulated amortisation</i>	229		(137,950)	(137,950)
Long-term work in progress	240		24,963,257	-
Construction in progress	242	6	24,963,257	-
Long-term financial investments	250		12,156,476,389	12,156,476,389
Investment in a subsidiary	251	7	12,156,476,389	12,156,476,389
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		15,266,042,058	15,258,533,250

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate balance sheet as at 31 December 2021 (continued)

Form B 01 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	31/12/2021 VND'000	1/1/2021 VND'000
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		3,108,407,105	3,101,408,455
Current liabilities	310		108,407,105	1,101,408,455
Accounts payable to suppliers	311		3,217,708	32
Taxes payable to State Treasury	313		197,528	406,630
Accrued expenses	315	8	48,356,333	88,151,323
Other short-term payables	319	9	35,435,536	12,850,470
Short-term bonds and borrowings	320	10(a)	21,200,000	1,000,000,000
Long-term liabilities	330		3,000,000,000	2,000,000,000
Long-term bonds	338	10(b)	3,000,000,000	2,000,000,000
EQUITY (400 = 410)	400		12,157,634,953	12,157,124,795
Equity	410	11	12,157,634,953	12,157,124,795
Share capital	411	12	10,991,554,200	10,991,554,200
- Ordinary shares with voting rights	411a		10,991,554,200	10,991,554,200
Share premium	412	12	1,098,259,892	1,098,259,892
Retained profits after tax	421		67,820,861	67,310,703
- Retained profits brought forward	421a		67,310,703	59,385,554
- Retained profit for the current year	421b		510,158	7,925,149
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		15,266,042,058	15,258,533,250

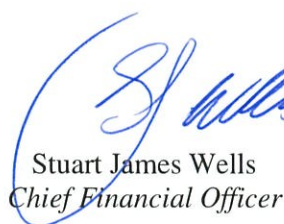
11 March 2022

Prepared by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Stuart James Wells
Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
General Director



The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statement of income for the year ended 31 December 2021

Form B 02 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	2021 VND'000	2020 VND'000
Financial income	21	13	280,995,953	306,449,356
Financial expenses	22	14	272,008,141	299,550,094
General and administration expenses	26		8,148,738	5,428,920
Net operating profit (30 = 21 - 22 - 26)	30		839,074	1,470,342
Other income	31		-	501,547
Results of other activities (40 = 31)			-	501,547
Accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50		839,074	1,971,889
Income tax expense - current	51	15	328,916	(5,953,260)
Net profit after tax (60 = 50 - 51)	60		510,158	7,925,149

11 March 2022

Prepared by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Stuart James Wells
Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
General Director

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation**Separate statement of cash flows for the year ended 31 December 2021 (Indirect method)****Form B 03 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	2021 VND'000	2020 VND'000
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
Profit before tax	01		839,074	1,971,889
Adjustments for				
Profits from investing activities	05		(280,995,953)	(306,449,356)
Interest expense and borrowing fees	06		272,008,141	298,399,658
Operating loss before changes in working capital	08		(8,148,738)	(6,077,809)
Change in receivables and other assets	09		(23,690,110)	(292,885)
Change in payables and other liabilities	11		507,671	(413,263)
			(31,331,177)	(6,783,957)
Interest paid	14		(269,138,899)	(301,932,976)
Income tax paid	15		(245,627)	(300,000)
Net cash flows from operating activities	20		(300,715,703)	(309,016,933)
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
Capital contribution to a subsidiary	25		-	(2,701,705,929)
Receipts of interests and dividends	27		276,001,125	963,858,457
Net cash flows from investing activities	30		276,001,125	(1,737,847,472)

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statements of cash flows for the year ended 31 December 2021
(Indirect method - continued)

Form B 03 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	2021 VND'000	2020 VND'000
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
Proceeds from shares issuance and related transaction cost	31		(42,624,809)	2,094,330,737
Proceeds from borrowings and bonds issuance	33		1,039,200,000	-
Payments to settle loan principals	34		(1,018,000,000)	-
Net cash flows from financing activities	40		(21,424,809)	2,094,330,737
Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)	50		(46,139,387)	47,466,332
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60		51,739,750	4,273,418
Cash and cash equivalents at the end of the year (70 = 50 + 60)	70	4	5,600,363	51,739,750


11 March 2022

Prepared by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Stuart James Wells
Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
General Director

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021

Form B 09 – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying separate financial statements.

1. Reporting entity

Ownership and company structure

Masan High-Tech Materials Corporation (“the Company” or “MHT”) is incorporated as a joint stock company in Vietnam. The principal activity of the Company is investment holding.

As at 31 December 2021, the Company had 2 employees (1/1/2021: 2 employees).

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The separate financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

The Company prepares and issues its consolidated financial statements separately. For a comprehensive understanding of the consolidated financial position of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as “the Group”), and their consolidated results of operations and their consolidated cash flows, these separate financial statements should be read in conjunction with the consolidated financial statements of the Group.

(b) Basis of measurement

The separate financial statements, except for the separate statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The separate statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

(d) Accounting and presentation currency

The Company’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for financial statement presentation purpose. All amounts have been rounded to the nearest thousand (VND’000), unless otherwise indicated.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these separate financial statements.

(a) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate for assets and account transfer selling rate for liabilities at the end of the annual accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the separate statement of income.

(b) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amount of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

(c) Investments in a subsidiary

Investment in a subsidiary is initially recognised at cost which includes purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment value if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(d) Accounts receivable

Accounts receivable from customers and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

(e) Intangible fixed assets

Software

Cost of acquisition of new software, which is not an integral part of the related hardware, is recognised as an intangible asset. Acquired software costs are amortised on a straight-line basis over three (3) to eight (8) years.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(f) Construction in progress

Construction in progress represents the costs of tangible and intangible fixed assets which have not been fully completed or installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction and installation.

(g) Accounts payable

Accounts payable to suppliers and other payables are stated at their cost.

(h) Business cooperation contract

Business Cooperation Contracts (“BCC”) are those under which contracting parties agree to carry out specific business activities that do not require an establishment of legal entity. The Company accounts for each BCC according to its substance and its rights and obligations under the contract. Where the Company makes contributions in the form of financial assets to the other parties and as a result obtaining a contractual right to receive cash or other financial assets from those parties under the BCC, the Company recognise a financial asset. Where distributions of profits from the other BCC parties have the substance of finance income, they are recognised as financial income based on the rate of returns as agreed by contracting parties. Distributions which are contingent on the ultimate operating results of the BCC are recognised as income only as when the ultimate operating results of the BCC can be determined reliably.

(i) Bonds issued

At initial recognition, straight bonds are measured at cost which comprises proceeds from issuance net of issuance costs. Any discount, premium or issuance costs are amortised on a straight-line basis over the term of the bond.

(j) Equity

Ordinary shares

Ordinary share capital is classified as equity. The excess of proceeds contributed over the par value of shares issued is recorded as share premium. Incremental costs directly attributable to the issue of ordinary shares are recognised as a deduction from share premium.

(k) Taxation

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amounts of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at end of the annual accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(l) Financial income and financial expenses

(i) Financial income

Financial income comprises interest income from deposits and loans, profit distribution from BCC and foreign exchange gains.

Interest income is recognised as it accrues in the statement of income.

Income from distributed profits from a subsidiary is recognized when the right to receive profit distribution is established. Distributed profits received which are attributable to the period before investment acquisition date are deducted from the carrying amount of the investment.

(ii) Financial expenses

Financial expenses comprise interest expenses on borrowings, bonds, facility fees, financing costs, transaction costs and foreign exchange losses.

(m) Borrowing costs

Borrowings costs comprise interest expenses on borrowings, facility fees, financing costs and transaction costs. Borrowing costs are recognised as an expense in the year in which they are incurred.

(n) Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or to exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control or common significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party. Related parties that are individuals refer to key management personnel who have authority and responsibility for planning, directing and controlling the activities of the Company, including directors and officers of the Company. Related companies refer to subsidiaries and associates of the Company, the shareholders and the ultimate parent company and their subsidiaries and associates.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(o) Comparative information

Comparative information in these separate financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior year is included as an integral part of the current period financial statements and are intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current year. Accordingly, the comparative information included in these separate financial statements is not intended to present the Company’s unconsolidated financial position, results of operation or cash flows for the prior year.

4. Cash and cash equivalents

	31/12/2021	1/1/2021
	VND’000	VND’000
Cash in banks	600,363	739,750
Cash equivalents	5,000,000	51,000,000
	5,600,363	51,739,750
	5,600,363	51,739,750

5. Other short-term and long-term receivables

	31/12/2021	1/1/2021
	VND’000	VND’000
Short-term receivables		
Distribution of profit receivable from BCC (a)	54,956,939	49,962,111
Receivables under BCC with NPM (b)	-	1,000,000,000
Other receivable from subsidiaries	23,695,453	-
Others	55,000	355,000
	78,707,392	1,050,317,111
	78,707,392	1,050,317,111
Long-term receivables		
Receivables under BCC with NPM (b)	2,000,000,000	1,000,000,000
Receivables under BCC with MTC (c)	1,000,000,000	1,000,000,000
	3,000,000,000	2,000,000,000
	3,000,000,000	2,000,000,000

(a) The distribution of profit receivables were due to accrual of the current year’s operating results as distribution of profit receivable from BCC which the Company contracted with its subsidiaries, Nui Phao Mining Co., Ltd (“NPM”) and Masan Tungsten LLC (“MTC”) (Note 5(b) and Note 5(c)).



Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

- (b) Receivables under BCC represents contribution to NPM under Business Cooperation Contracts (“BCCs”) dated 21 September 2018 and amended several times thereafter according to which the Company used the bond proceeds of VND1,000 billion, VND500 billion and VND500 billion respectively for business cooperation activities with NPM. The BCCs have cooperation terms of sixty (60) months from the payment date of last contribution (VND500 billion) on 28 May 2019. The repayment of all or partial amounts of contribution for the BCC will be agreed by both parties before the end of the cooperation term. Accordingly, both parties agreed that the initial repayment schedule of the first contribution of VND1,000 billion in September 2021 was rescheduled to be within the cooperation term.
- (c) The other long-term receivables under BCC represents contribution to MTC under BCC dated 16 November 2018 and amended several times thereafter according to which the Company used the bond proceeds of VND1,000 billion for business cooperation activities with MTC. The BCCs have terms of sixty (60) months of cooperation from when MTC received the proceeds from business cooperation contract in November 2018.

The sharing of profits under the above-mentioned BCCs in (b) and (c) are based on the agreed rate as stipulated in the BCCs and their amendments.

The other receivables from subsidiaries were unsecured, interest free and are due in accordance with relevant contract terms.

6. Construction in progress

	31/12/2021 VND’000	01/12/2021 VND’000
Opening balance	-	-
Additions during the year	24,963,257	-
Closing balance	<u>24,963,257</u>	<u>-</u>

The balance of construction in progress represents the expense relating to software purchasing to improve the Company’s operation.

7. Long-term financial investments

	31/12/2021		1/1/2021	
	Cost VND’000	Fair value VND’000	Cost VND’000	Fair value VND’000
Investment in a subsidiary				
Investment in Masan Thai Nguyen Resources Company Limited (“MRTN”)	12,156,476,389	(*)	12,156,476,389	(*)

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

MRTN is an investment holding company, incorporated in Vietnam. The direct and indirect percentage of economic interests of the Company at MRTN is 100% as at 31 December 2021 (1/1/2021: 100%).

- (*) The Company has not determined the fair values of the equity investments for disclosure in the separate financial statements because information about their market prices are not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of the equity investments may differ from their carrying amounts.

8. Accrued expenses

	31/12/2021 VND'000	1/1/2021 VND'000
Accrued interest expenses	47,442,649	45,058,494
Share issuance fee	-	42,624,809
Others	913,684	468,020
	48,356,333	88,151,323

9. Other short-term payables

Other payables included the following amounts:

	31/12/2021 VND'000	1/1/2021 VND'000
Amounts due to Masan Horizon Company Limited (“MH”) – the immediate parent company		
Non-trade – short-term (*)	2,511,785	2,511,785
Amount due to Nui Phao Mining Company Ltd – a subsidiary		
Non-trade – short-term (*)	32,306,412	10,294,685
Others	617,339	44,000
	35,435,536	12,850,470

- (*) Amounts due to related parties were unsecured, interest-free and repayable based on agreement between the parties.



Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

10. Borrowings and bonds

(a) Short-term borrowings and bonds

	01/01/2021			31/12/2021
	Carrying amount & amount within repayment capacity VND'000	Additions VND'000	Payments VND'000	Carrying amount & amount within repayment capacity VND'000
Short-term borrowings	-	39,200,000	(18,000,000)	21,200,000
Current portion of long-term bonds (Note 10(b))	1,000,000,000	-	(1,000,000,000)	-
	<u>1,000,000,000</u>	<u>39,200,000</u>	<u>(1,018,000,000)</u>	<u>21,200,000</u>

Short-term borrowings represents loan from subsidiary, which is unsecured with interest rate from 2.6% - 3.2% per year.

(b) Long-term bonds

	31/12/2021	1/1/2021
	VND'000	VND'000
Long-term bonds issued	3,000,000,000	3,000,000,000
Repayable within twelve months	-	(1,000,000,000)
	<u>3,000,000,000</u>	<u>2,000,000,000</u>

Terms and conditions of outstanding long-term bonds in VND were as follows:

		Year of maturity	31/12/2021	1/1/2021
			VND'000	VND'000
Long-term bonds issued				
▪ Secured bond issued			-	1,000,000,000
▪ Secured bond issued	(a)	2024	1,000,000,000	-
▪ Secured bond issued	(b)	2023	1,500,000,000	1,500,000,000
▪ Secured bond issued	(c)	2024	500,000,000	500,000,000
			<u>3,000,000,000</u>	<u>3,000,000,000</u>

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

- (a) The VND denominated bonds issued by the Company with a three-year term bore interest rate of 9.2% per annum for the first twelve months. After the first twelve months, the applicable interest rate per annum will be adjusted every six months and calculated as the average twelve-month saving deposit rate of related reference banks plus 3.625%. The representatives of the bondholders is Techcom Securities Company JSC – the ultimate parent company’s associate. The bond proceeds were used to replace another bond expired in 2021 - which were used for the business cooperation activities with NPM (Note 5(b)). The bond was secured by a part of certain long-term assets of a subsidiary.
- (b) The VND denominated bonds issued by the Company with a five-year term bore interest rate of 10% per annum for the first twelve months. After the first twelve months, the applicable interest rate per annum will be adjusted every six months and calculated as the average twelve-month saving deposit rate of related reference banks plus 3.25%. The bond was secured by 14.09% of issued shares of the Company held by the immediate parent company and a part of certain long-term assets of a subsidiary. The representatives of the bondholders is Techcom Securities JSC. The bond proceeds were used for the business cooperation activities with NPM and MTC (Note 5(b) and (c)).
- (c) The VND denominated bonds issued by the Company with a five-year term bear interest rate of 10.2% per annum for the first twelve months. After the first twelve months, the applicable interest rate per annum will be adjusted every six months and calculated as the average twelve-month saving deposit rate of related reference banks plus 3.3%. The bond was secured by 5.06% of issued shares of the Company held by the immediate parent company and a part of certain long-term assets of a subsidiary. The representatives of the bondholders is Techcom Securities Company JSC. The bond proceeds were used for the business cooperation activities with NPM (Note 5(b)).

11. Changes in equity

	Share capital VND’000	Share premium VND’000	Retained profits after tax VND’000	Total VND’000
Balance at 1/1/2020	9,892,398,780	145,709,384	59,385,554	10,097,493,718
New shares issuance	1,099,155,420	995,175,317	-	2,094,330,737
Transaction cost for new share issuance	-	(42,624,809)	-	(42,624,809)
Net profit for the year	-	-	7,925,149	7,925,149
Balance at 1/1/2021	10,991,554,200	1,098,259,892	67,310,703	12,157,124,795
Net profit for the year	-	-	510,158	510,158
Balance at 31/12/2021	10,991,554,200	1,098,259,892	67,820,861	12,157,634,953

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

12. Share capital

The Company's authorised and issued share capital comprised:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Number of shares	VND'000	Number of shares	VND'000
Authorised share capital	1,099,155,420	10,991,554,200	1,099,155,420	10,991,554,200
Issued share capital				
Ordinary shares	1,099,155,420	10,991,554,200	1,099,155,420	10,991,554,200
Shares in circulation				
Ordinary shares	1,099,155,420	10,991,554,200	1,099,155,420	10,991,554,200
Share premium	-	1,098,259,892	-	1,098,259,892

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividends as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets. In respect of shares bought back by the Company, all rights are suspended until those shares are reissued.

Share premium represents the excess of the proceeds on issuance of shares over the par value.

Included in the shares in circulation are 109,915,542 of ordinary shares issued to Mitsubishi Material Corporation (the Investor) on 26 October 2020 for the consideration of VND2,094,330,737,268. In relation to this issuance, the Company also granted a put option to the Investor. In the event that (i) the Company and the Investor (or their affiliate) fail to establish a joint operation of midstream tungsten business after closing date of these shares issuance or (ii) if there is a change in control in the Company, the Investor will have an irrevocable right to request the Company or its nominee to purchase all shares issued above at the amount equal to consideration of VND2,094,330,737,268 less the aggregate of any proceeds received by the Investor from disposing the Company's shares, dividends and distributions paid by the Company subject to customary adjustments from dilutive events. The deadline to take actions necessary to effect the completion the put option is 18 month from the date that the Company receives put option exercise notice from the Investor. The exercise of the put option will be subject to approval of Board of Directors, shareholders and Vietnamese regulators.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

13. Financial income

	2021	2020
	VND'000	VND'000
Interest income	1,011,870	137,167
Distribution of profit from BCC	279,984,083	306,312,189
	280,995,953	306,449,356

14. Financial expenses

	2021	2020
	VND'000	VND'000
Interest expense	271,523,054	298,399,658
Borrowing fee and others	485,087	1,150,436
	272,008,141	299,550,094

15. Income tax

(a) Reconciliation of effective tax rate

	2021	2020
	VND'000	VND'000
Accounting profit before tax	839,074	1,971,889
Tax at the Company tax rate	167,815	394,378
Non-deductible expenses	20,904	11,052
Under/(over) provision in prior year	140,197	(6,358,690)
	328,916	(5,953,260)

(b) Applicable tax rates

The Company has an obligation to pay the government income tax at the rate of 20% of taxable profits.



Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

16. Significant transactions with related parties

In addition to related party balances and transactions disclosed in other notes to these separate financial statements, the Company had the following significant balances and transactions with related parties during the year:

(a) Related party balances

As at and for the year ended 31 December 2021, the Company has current and term deposit accounts at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (“TCB”) at normal commercial terms.

As at 31 December 2021, associates of the ultimate parent company held VND281,499 million (1/1/2021: VND67,856 million) of the issued bonds of the Company.

(b) Related party transactions

Related Parties	Nature of transactions	2021 VND'000	2020 VND'000
Ultimate parent company's associate			
TCB and its subsidiaries	Bond interest	24,828,109	11,635,249
	Bond proceeds received (i)	1,000,000,000	-
	Bond repurchased	109,198,100	-
	Purchase of trading securities	18,118,800	-
	Sales of trading securities	18,208,080	-
Subsidiaries			
Masan Thai Nguyen Resources Company Limited	Capital contribution	-	2,701,705,929
Nui Phao Mining Co., Ltd	Distribution of profit from BCC	188,143,785	204,566,817
	Payment on behalf of NPM	22,799,957	-
	Payment on behalf of MHT	22,011,726	-
Masan Tungsten LLC	Distribution of profit from BCC	91,840,299	101,745,371
	Loan received	39,200,000	-
	Loan paid	18,000,000	-
	Loan interest paid	41,030	-
	Loan interest expense	199,014	-
	Payment on behalf of MTC	895,496	-
Key management personnel			
	Salary, bonus and other benefits (ii)	-	-

(i) The bonds are listed and sold to a broader set of investors pursuant to arrangement agreements.

(ii) No board fees were paid to Board of Directors members for the year ended 31 December 2021 and 31 December 2020. Salary and bonus for the General Director of the Company for the year ended 31 December 2021 and 31 December 2020 are paid out by a subsidiary of the Company.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate financial statements for the year ended 31 December 2021
(continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Included in the remuneration to key management personnel, the actual board fees, salary and bonus for each member of the Company's Board of Directors and the Company's General Director during the year were as follows:

Name	Position	2021 VND'000	2020 VND'000
Board of Directors			
Mr. Danny Le	Chairman	-	-
Mr. Nguyen Thieu Nam	First Vice Chairman	-	-
Mr. Craig Richard Bradshaw	Member	-	-
Mr. Akira Osada	Member	-	-
Ms. Nguyen Thu Hien	Independent member	-	-
Mr. Nguyen Van Thang	Member	-	-
General Director			
Mr. Craig Richard Bradshaw	General Director	-	-

17. Comparative information

Comparative information as at 1 January 2021 was derived from the balances and amounts reported in the Company's separate financial statements for the year ended 31 December 2020.

11 March 2022

Prepared by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Stuart James Wells
Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
General Director

